

Bản án số: 21/2017/HNGĐ - ST

Ngày 12/12/2017

“V/V Tranh chấp ly hôn, con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H – TỈNH H

Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:** Ông Đỗ Quang L
- **Các hội thẩm nhân dân:**
 - 1/ Bà Vũ Thị Thùy Đ
 - 2/ Bà Nguyễn Thị H
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Mạnh Q – Thư ký TAND
thành phố H, tỉnh H.
- **Đại diện VKSND TP H, tỉnh H** Ông Nguyễn Anh T – Kiểm sát viên
tham gia phiên tòa:

Ngày 12/12/2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án về tranh chấp ly hôn thụ lý số: 169/2017/TLST – HNGĐ ngày 12/11/2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2017/QĐXX - HNGĐ ngày 27/11/2017 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Anh Trần Văn C - Sinh năm 1972 – Có mặt tại phiên Tòa;
- HKTT: Thôn Q, xã Tân H, TP H, tỉnh H.

***Bị đơn:** Chị Trần Thị Thu T - Sinh năm 1992 - Vắng mặt tại phiên tòa có lý do (Có đơn xin xử vắng mặt).

- HKTT: Thôn Q, xã T, TP H, tỉnh H.

- Hiện trú tạm trú tại: Số nhà 125, ấp T, xã T, TP V, tỉnh V.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1- Cháu Trần Lam P, sinh ngày 13/6/2011- Vắng mặt có lý do
HKTT: Thôn Q, xã T, TP H, tỉnh H.

Người đại diện cho cháu P: Anh Trần Văn C (Bố đẻ của cháu P);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Anh Trần Văn C và chị Trần Thị Thu T, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, tp. H, tỉnh H vào ngày 22/4/2011. Sau khi làm lễ cưới xong vợ chồng anh chị về chung sống tại nhà bố

mẹ đẻ anh anh C ở T, TP H. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, nhiều lần chị T đã bỏ nhà đi, sau đó lại về vợ chồng lại về chung sống với nhau, nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị T đã bỏ nhà đi thuê nhà để ở trọ từ tháng 4/2016, sau đó bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Ấp T, xã T, TP V, tỉnh V từ đó cho tới nay cả hai bên không hề quan tâm gì tới nhau nữa.

Nay anh C xác định không còn tình cảm gì với chị T nữa và cũng không thể sống chung được với chị T nữa, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T để giải phóng cho cả hai bên.

Chị T cũng nhất trí ly hôn với anh C vì xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 4/2016 cho tới nay, cả hai bên không hề quan tâm gì tới nhau nữa.

- **Về con chung:** Anh C và chị T khẳng định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Lam P, sinh ngày 13/6/2011, hiện cháu đang ở với anh C. Anh C có quan điểm xin tiếp tục được nuôi cháu P, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Chị T có quan điểm nhất trí để anh C tiếp tục nuôi cháu P và không cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C.

- **Về tài sản chung:** Anh C và chị T khẳng định là vợ chồng không có gì cả, nên cả hai anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về công nợ chung, về công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác nông nghiệp 03:** Anh C và chị T khẳng định vợ chồng tôi không có gì, nên cả hai anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T và anh xin được cháu Trần Lam P, không yêu cầu chị T phải đóng góp nuôi con chung cho anh. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác nông nghiệp anh C khẳng định là không có gì, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND thành phố H phát biểu quan điểm: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện đúng quy định trong việc xét xử. Thư ký phiên Tòa đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn và Bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS.

- Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Đối với thẩm phán cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vì không gửi cho bị đơn thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, điều 147 và điều và 227 - BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh C, cho anh C được ly hôn với chị T.

- **Về con chung:** Giao cháu Trần Lam P cho anh Trần Văn C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Lam P cho anh.

- **Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp với hai bên gia đình, ruộng canh tác nông nghiệp:** Anh C không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc anh C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Anh Trần Văn C và chị Trần Thị T, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, TP H, tỉnh H vào ngày 22/4/2011 hôn nhân này là hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn anh Trần Văn C, thì thấy rằng: Căn cứ vào lời trình bày của anh C và chị T cùng kết quả điều tra, xác minh thì thấy tình trạng hôn nhân của anh C và chị T, thể hiện vợ chồng anh chị chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống của hai anh chị không hợp nhau. Do cãi nhau căng thẳng nên vào khoảng tháng 4/2016 anh C và chị T đã sống ly thân nhau từ đó cho tới nay cả hai bên không hề quan tâm gì tới nhau nữa, phù hợp với lời khai của chị gái ruột anh C là chị Trần Thị X và ông Trần Danh Đ trưởng thôn Q ((BL 33 - 34).

Anh C xin ly hôn, quan điểm của chị T trong biên bản lấy lời khai là đồng ý ly hôn với anh C.

Từ những căn cứ nhận định trên, nên đã có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn của anh C và chị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 - LHNGĐ, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn C, cho anh C được ly hôn với chị T.

- **Về con chung:** Giao cháu Trần Lam P cho anh Trần Văn C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp

nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Lam P cho anh.

- **Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp với hai bên gia đình, ruộng canh tác nông nghiệp:** Anh C không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Chị T vắng mặt tại phiên Tòa, nếu có yêu cầu giải quyết về con chung, về tài sản chung, về công nợ, về công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, về ruộng canh tác nông nghiệp thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

- **Về án phí:** Anh Trần Văn C phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; điều 147 và điều 227- BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

***/- Tuyên xử:**

1. Cho anh Trần Văn C được ly hôn với chị Trần Thị Thu T.

2. **Về con chung:** Giao cháu Trần Lam P cho anh Trần Văn C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Lam P cho anh.

Sau khi ly hôn chị Trần Thị Thu T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Lam P không ai được cản trở.

- **Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp với hai bên gia đình, ruộng canh tác nông nghiệp:** Anh C không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Chị T vắng mặt tại phiên Tòa, nếu sau khi ly hôn có yêu cầu giải quyết về con chung, về tài sản chung, về công nợ, về công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, về ruộng canh tác nông nghiệp thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

- **Về án phí:** Buộc anh Trần Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số HY/2010/002941 ngày 12/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H (Anh C đã nộp đủ tiền án phí).

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn anh C có mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn chị T

vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được, hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại UBND xã T, TP V Long, tỉnh V.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố H.
- Chi cục THADS T.P H.
- Phòng kiểm tra và thi hành án TAND tỉnh H.,
- UBND xã T, TP H.
- Các đương sự.
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa

Đỗ Quang L